Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Thời gian ký: 10/11/2026 16:53:45 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3259 /QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao số tiết kiệm chi thường xuyên và điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01/10/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Kế hoạch - Tài chính;

Căn cứ các Quyết định số 4478/QĐ-BTC ngày 30/12/2025; số 961/QĐ-BTC ngày 17/4/2026; số 962/QĐ-BTC ngày 17/4/2026; số 1740/QĐ-BTC ngày 30/6/2026; số 1770/QĐ-BTC ngày 03/7/2026; số 2138/QĐ-BTC ngày 07/8/2026; số 2172/QĐ-BTC ngày 10/8/2026; số 2246/QĐ-BTC ngày 17/8/2026; số 2253/QĐ-BTC ngày 18/8/2026; số 2635/QĐ-BTC ngày 21/9/2026 và số 2782/QĐ-BTC ngày 06/10/2026 của Bộ Tài chính về giao, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Công văn số 6990/BTC-KTN ngày 27/5/2026 của Bộ Tài chính về triển khai Nghị quyết số 135/NQ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 10989/BTC-KHTC ngày 24/7/226 của Bộ Tài chính thông báo số tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao số tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026 theo Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính để thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên theo

Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ, chi tiết tại các Phụ lục II đến XXVI kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính:

a) Căn cứ số tiết kiệm và dự toán được giao tại Quyết định này, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung và trong phạm vi dự toán được sử dụng sau điều chỉnh.

b) Đối với đơn vị có các đơn vị dự toán trực thuộc: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ban hành quyết định điều chỉnh, giao dự toán chi tiết cho các đơn vị trực thuộc, gửi Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để phối hợp thực hiện.

c) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về tính chính xác của số liệu điều chỉnh, việc xác định kinh phí thực hiện tiết kiệm và quản lý, sử dụng kinh phí sau điều chỉnh bảo đảm đúng mục đích, chế độ, tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định.

d) Phối hợp với Cục Kế hoạch - Tài chính và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện điều chỉnh dự toán; kịp thời báo cáo Bộ Tài chính qua Cục Kế hoạch - Tài chính các vướng mắc phát sinh để xem xét, xử lý.

2. Cục Kế hoạch - Tài chính theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện và tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, xử lý những vướng mắc vượt thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Vụ: NSNN, HCSN;
- Kiểm toán nhà nước;
- Kho bạc Nhà nước;
- Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Cục CNTT (để công khai);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục I

GIAO SỐ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP

(Kèm theo Quyết định số 3259 /QĐ-BTC ngày 05 / 11 /2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Đơn vị/ nguồn kinh phí	Tổng số	Số tiết kiệm chi thường xuyên theo Công văn số 10989/BTC-KHTC											
			Tổng	Loại 340 - Khoản 341	Loại 100 - Khoản 108	Loại 280			Loại 070				Loại 160 -Khoản 171	Loại 250 - Khoản 278
						Tổng	Khoản 331	Khoản 338	Tổng	Khoản 081	Khoản 085	Khoản 093		
	Tổng	**607.746.487**	**582.632.572**	**556.459.375**	**1.702.338**	**13.524.663**	**12.792.948**	**731.715**	**10.624.000**	**2.723.000**	**6.336.000**	**1.565.000**	**42.000**	**280.196**
I	**Nguồn NSNN**	**554.765.801**	**529.652.349**	**503.479.152**	**1.702.338**	**13.524.663**	**12.792.948**	**731.715**	**10.624.000**	**2.723.000**	**6.336.000**	**1.565.000**	**42.000**	**280.196**
1	Cục Thuế	150.422.498	150.422.498	150.422.498										
2	Cục Hải quan	137.973.150	137.973.150	137.973.150										
3	Kho bạc Nhà nước	80.506.597	73.446.597	73.446.597										
4	Cục Dự trữ Nhà nước	28.367.024	28.367.024	15.574.076		12.792.948	12.792.948							
5	Cục Thống kê	44.721.765	44.721.765	44.721.765										
6	Ủy ban Chứng khoán nhà nước	7.456.909	7.456.909	7.456.909										
7	Văn phòng Bộ	65.704.634	64.761.084	64.761.084										
8	Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4.217.231	4.217.231	4.217.231										
9	Cục Quản lý công sản	232.650	232.650	232.650										
10	Cục Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại	645.250	645.250	645.250										
11	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm	395.194	395.194	395.194										
12	Cục Quản lý đấu thầu	280.518	280.518	280.518										
13	Cục Quản lý giá	396.720	396.720	396.720										
14	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước	264.045	264.045	264.045										
15	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	766.591	766.591	766.591										
16	Cục Đầu tư nước ngoài	137.170	137.170	137.170										
17	Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	797.500	797.500	797.500										
18	Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính	3.434.053	2.434.053		1.702.338	731.715		731.715						
19	Học viện Tài chính	3.884.000	1.259.000						1.259.000	1.259.000				
20	Học viện Chính sách và Phát triển	2.596.000	1.460.000						1.460.000			1.460.000		
21	Trường Đại học Tài chính - Marketing	3.612.000	1.569.000						1.569.000	1.464.000		105.000		
22	Trường Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Tài chính	16.641.902	6.336.000						6.336.000		6.336.000			
23	Báo Tài chính - Đầu tư	126.730	126.730											126.730
24	Tạp chí Kinh tế - Tài chính	985.040	985.040	831.574										153.466
25	Nhà xuất bản Kinh tế - Tài chính	200.630	200.630	158.630									42.000	
II	**Nguồn phí được để lại**	**52.980.686**	**52.980.223**	**52.980.223**										
1	Cục Hải quan	48.096.680	48.096.680	48.096.680										
2	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	4.884.006	4.883.543	4.883.543										

STT	Đơn vị/ nguồn kinh phí	Số tiết kiệm thêm ngoài số đã thông báo tại Công văn số 10989/BTC-KHTC (*)								
		Tổng	Loại 340 - Khoản 341	Loại 100			Loại 070			
				Tổng	Khoản 102	Khoản 108	Tổng	Khoản 081	Khoản 085	Khoản 093
	Tổng	**25.113.915**	**1.013**	**1.943.000**	**1.000.000**	**943.000**	**23.169.902**	**4.668.000**	**17.365.902**	**1.136.000**
I	**Nguồn NSNN**	**25.113.452**	**550**	**1.943.000**	**1.000.000**	**943.000**	**23.169.902**	**4.668.000**	**17.365.902**	**1.136.000**
1	Cục Thuế									
2	Cục Hải quan									
3	Kho bạc Nhà nước	7.060.000					7.060.000		7.060.000	
4	Cục Dự trữ Nhà nước									
5	Cục Thống kê									
6	Ủy ban Chứng khoán nhà nước									
7	Văn phòng Bộ	943.550	550	943.000		943.000				
8	Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số									
9	Cục Quản lý công sản									
10	Cục Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại									
11	Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm									
12	Cục Quản lý đấu thầu									
13	Cục Quản lý giá									
14	Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước									
15	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể									
16	Cục Đầu tư nước ngoài									
17	Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả									
18	Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính	1.000.000		1.000.000	1.000.000					
19	Học viện Tài chính	2.625.000					2.625.000	2.625.000		
20	Học viện Chính sách và Phát triển	1.136.000					1.136.000			1.136.000
21	Trường Đại học Tài chính - Marketing	2.043.000					2.043.000	2.043.000		
22	Trường Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Tài chính	10.305.902					10.305.902		10.305.902	
23	Báo Tài chính - Đầu tư									
24	Tạp chí Kinh tế - Tài chính									
25	Nhà xuất bản Kinh tế - Tài chính									
II	**Nguồn phí được để lại**	**463**	**463**							
1	Cục Hải quan									
2	Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể	463	463							

Ghi chú: (*) Đã được giao tại các Quyết định số 1740/QĐ-BTC ngày 30/6/2026, số 2635/QĐ-BTC ngày 21/9/2026, số 3015/QĐ-BTC ngày 19/10/2026 và Quyết định này./.

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Thuế

Mã số đơn vị QHNSNN: 1056271

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**65.077.590**	**22.667.688**	**149.833.098**	**0**	**0**	**192.243.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**64.577.590**	**0**	**66.511.410**	**0**	**0**	**131.089.000**	**0**
	Chi quản lý hành chính theo định mức	64.577.590	0	66.511.410	0	0	131.089.000	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**500.000**	**22.667.688**	**83.321.688**	**0**	**0**	**61.154.000**	**0**
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	0	15.622.053	60.730.053	0	0	45.108.000	0
a	*Chi mua sắm tài sản*	*0*	*846.323*	*15.923.323*	*0*	*0*	*15.077.000*	*0*
b	*Chi sửa chữa tài sản*	*0*	*5.843.657,5*	*10.148.657,5*	*0*	*0,0*	*4.305.000*	*0*
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	*0*	*8.932.072,5*	*34.658.072,5*	*0*	*0,0*	*25.726.000*	*0*
2.2	Chi thuê trụ sở	0	5.472.186	6.080.186	0	0	608.000	0
2.3	Chi trang phục	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Chi mua vật tư, ấn chỉ	0	0	10.130.000	0	0	10.130.000	0
2.5	Chi bồi thường thiệt hại cho tổ chức và cá nhân và chi thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, cơ quan thuế trước tòa án	500.000	0	0	0	0	500.000	0
2.6	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành (bao gồm cả hóa đơn may mắn)	0	1.444.270	5.500.270	0	0	4.056.000	0
2.7	Chi hợp tác quốc tế thực hiện đàm phán, ký kết,…	0	129.179	881.179	0	0	752.000	0

Ghi chú:

Tổng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP (nguồn NSNN) của Cục Thuế là 150.422.498 nghìn đồng, trong đó được giao tại Quyết định số 2246/QĐ-BTC ngày 17/8/2026 là 589.400 nghìn đồng và được giao tại Quyết định này là 149.833.098 nghìn đồng.

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Hải quan

Mã số đơn vị QHNSNN: 1059110

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
A	**DỰ TOÁN THU**	**0**	**0**	**34.546.000**	**0**	**0**	**34.546.000**	**0**
1	Số thu phí được để lại sử dụng	0	0	34.546.000	0	0	34.546.000	0
								0
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**4.340.027,218**	**30.014.177,218**	**137.973.150**	**0**	**0**	**112.299.000**	**0**
I	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Khoản 341)**	**4.340.027,218**	**30.014.177,218**	**137.973.150**	**0**	**0**	**112.299.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**4.340.027,218**	**0**	**39.640.172,782**	**0**	**0**	**43.980.200**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	4.340.027,218	0	39.640.172,782	0	0	43.980.200	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**30.014.177,218**	**98.332.977,218**	**0**	**0**	**68.318.800**	**0**
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	0	4.555.319,550	26.961.919,550	0	0	22.406.600	0
a	*Chi mua sắm tài sản*	*0*	*268.912,378*	*549.412,378*	*0*	*0*	280.500	*0*
b	*Chi sửa chữa tài sản*	*0*	*2.114.958,878*	*9.976.558,878*	*0*	*0*	7.861.600	*0*
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	*0*	*2.171.448,294*	*16.435.948,294*	*0*	*0*	14.264.500	*0*
2.2	Chi thuê kênh truyền	*0*	601.678,106	2.873.378,106	0	0	2.271.700	0
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	*0*	0	12.452.500	0	0	12.452.500	0
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,..; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	*0*	19.820.453,371	43.757.253,371	0	0	23.936.800	0
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước toà án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hoá; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	*0*	1.762.964	2.832.064	0	0	1.069.100	0

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	*0*	75.164,927	367.164,927	0	0	292.000	0
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	*0*	0	43.800	0	0	43.800	0
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	*0*	3.131.181,208	6.735.781,208	0	0	3.604.600	0
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn Ngành	*0*	67.416,056	2.309.116,056	0	0	2.241.700	0

Ghi chú:

Tổng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP (nguồn phí) của Cục Hải quan là 48.096.680 nghìn đồng, trong đó được giao tại Quyết định số 1740/QĐ-BTC ngày 30/6/2026 là 13.550.680 nghìn đồng và được giao tại Quyết định này là 34.546.000 nghìn đồng.

Phụ lục IV

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Kho bạc Nhà nước

Mã số đơn vị QHNSNN: 1057283

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**0**	**16.290.597**	**73.446.597**	**0**	**0**	**57.156.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**3.375.548**	**24.873.548**	**0**	**0**	**21.498.000**	**0**
1.2	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	3.375.548	24.873.548	0	0	21.498.000	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**12.915.049**	**48.573.049**	**0**	**0**	**35.658.000**	**0**
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	0	5.983.524	30.392.524	0	0	24.409.000	0
a	*Chi mua sắm tài sản*	*0*	*97.843*	*572.843*	*0*	*0*	*475.000*	*0*
b	*Chi sửa chữa tài sản*	*0*	*107.134*	*658.134*	*0*	*0*	*551.000*	*0*
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	*0*	*5.778.547*	*29.161.547*	*0*	*0*	*23.383.000*	*0*
2.2	Chi đảm bảo điều kiện làm việc, ăn, nghỉ cho lực lượng cảnh sát bảo vệ mục tiêu của KBNN	0	4.882.000	6.180.000	0	0	1.298.000	0
2.3	Chi đảm bảo nhiệm vụ phát hành, thanh toán trái phiếu Chính phủ	0	0	225.000	0	0	225.000	0
2.4	Chi phục vụ hoạt động in ấn đối với toàn bộ tài liệu chứng từ, báo cáo nghiệp vụ chuyên môn	0	798.943	5.448.943	0	0	4.650.000	0
2.5	Chi chỉnh lý, lưu trữ tài liệu chứng từ, báo cáo nghiệp vụ chuyên môn	0	1.250.582	6.326.582	0	0	5.076.000	0

Phụ lục V

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Dự trữ Nhà nước

Mã số đơn vị QHNSNN: 1057357

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG	**1.388.058**	**8.147.082**	**28.367.024**	**0**	**0**	**21.608.000**	**0**
I	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Khoản 341)**	**0**	**5.523.076**	**15.574.076**	**0**	**0**	**10.051.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**5.284.276**	**14.738.276**	**0**	**0**	**9.454.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	5.284.276	14.738.276	0	0	9.454.000	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**238.800**	**835.800**	**0**	**0**	**597.000**	**0**
2.1	Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình	0	238.800	835.800	0	0	597.000	0
II	**SỰ NGHIỆP KINH TẾ (Khoản 331)**	**1.388.058**	**2.624.006**	**12.792.948**	**0**	**0**	**11.557.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**1.388.058**	**2.624.006**	**12.792.948**	**0**	**0**	**11.557.000**	**0**
2.1	Chi mua sắm tài sản	0	2.624.006	3.692.806	0	0	1.068.800	0
2.2	Chi sửa chữa kho dự trữ quốc gia	0	0	8.910.800	0	0	8.910.800	0
2.3	Chi khắc phục hậu quả bão lụt; tiếp nhận và bảo quản mẫu vật quý hiếm;...	1.388.058	0	189.342	0	0	1.577.400	0

Phụ lục VI

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Thống kê

Mã số đơn vị QHNSNN: 1059472

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**35.835.000**	**36.064.765**	**44.721.765**	**0**	**0**	**44.492.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**20.649.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20.649.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	20.649.000	0	0	0	0	20.649.000	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**15.186.000**	**36.064.765**	**44.721.765**	**0**	**0**	**23.843.000**	**0**
2.1	Chi mua sắm tài sản (ô tô)	0	0	3.860.000	0	0	3.860.000	0
2.2	Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình	8.068.000	0	0	0	0	8.068.000	0
2.3	Kinh phí thuê trụ sở	0	0	265.000	0	0	265.000	0
2.4	Chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo trì, hỗ trợ tư vấn kỹ thuật về công nghệ thông tin đối với hệ thống mạng, thiết bị công nghệ thông tin cho các Thống kê tỉnh, thành phố	0	0	20.000	0	0	20.000	0
2.5	Chi vật tư công tác phí sửa chữa thiết bị mạng cho ngành	0	0	37.000	0	0	37.000	0
2.6	Kinh phí thực hiện Tổng điều tra nông nghiệp và nông thôn	0	2.259.000	2.259.000	0	0	0	0
2.7	Kinh phí thực hiện Tổng điều tra kinh tế	7.118.000	0	4.475.000	0	0	11.593.000	0
2.8	Kinh phí các cuộc điều tra thường xuyên	0	33.805.765	33.805.765	0	0	0	0
2.9	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	0	0	0	0	0	0

Phụ lục VII

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Mã số đơn vị QHNSNN: 1058959

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**0**	**1.687.909**	**7.456.909**	**0**	**0**	**5.769.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**415.828**	**2.900.828**	**0**	**0**	**2.485.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	415.828	2.900.828	0	0	2.485.000	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**1.272.081**	**4.556.081**	**0**	**0**	**3.284.000**	**0**
2.1	Chi tuyên truyền về pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, đưa tin về hoạt động chứng khoán	0	203.581	681.581	0	0	478.000	0
2.2	Chi thực hiện triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh Chứng khoán như tham dự Hội nghị Thường niên IOSCO, Hội nghị Ủy ban các thị trường mới nổi (GMEC), Diễn đàn các thị trường vốn ASEAN cấp phó Chủ tịch lần 1 (ACMF), Ủy ban phát triển thị trường vốn ASEAN (WC-CMD),...	0	606.353	2.244.353	0	0	1.638.000	0
2.3	Chi thanh tra, kiểm tra, giám sát về hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán	0	237.147	905.147	0	0	668.000	0
2.4	Mua sắm tài sản	0	225.000	725.000	0	0	500.000	0

Phụ lục VIIIa

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Bộ Tài chính

Mã số đơn vị QHNSNN: 1132948

Mã số KBNN giao dịch: 0011

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG	**5.422.935**	**9.161.357**	**45.472.922**	**0**	**0**	**41.734.500**	**0**
I	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Khoản 341)**	**5.422.935**	**8.218.357**	**44.529.922**	**0**	**0**	**41.734.500**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**4.362.400**	**6.089.560**	**27.466.060**	**0**	**0**	**25.738.900**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	4.362.400	6.089.560	27.466.060	0	0	25.738.900	0
	Trong đó:				0	0		0
a	*Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên*	*2.666.900*	*0*	*0*	*0*	*0*	*2.666.900*	0
b	*Chi nhiệm vụ vận hành cơ sở vật chất để duy trì hoạt động thiết yếu đảm bảo an toàn, an ninh thông suốt của ngành Tài chính (trụ sở số 6-8 Phan Huy Chú, số 7 Phạn Huy Chú)*	*1.295.500*	*0*	*0*	*0*	*0*	*1.295.500*	0
c	*Chi đoàn vào*	*400.000*	*0*	*0*			*400.000*	0
d	*Chi khác*	*0*	*6.089.560*	*27.466.060*	*0*	*0*	*21.376.500*	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**1.060.535**	**2.128.797**	**17.063.862**	**0**	**0**	**15.995.600**	**0**
2.1	Chi chỉnh lý tài liệu đặc thù của ngành Tài chính	0	80.000	1.640.000	0	0	1.560.000	0
2.2.	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	902.135	1.908.622	6.879.187	0	0	5.872.700	0
a	*Chi mua sắm tài sản*	*902.135*	0	*397.565*	*0*	*0*	1.299.700	0
b	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng công trình*		1.804.622	*5.906.622*	*0*	*0*	4.102.000	0
c	*Chi cải tạo, sửa chữa công trình*		104.000	*575.000*	*0*	*0*	471.000	0
2.3	Chi tuyên truyền theo các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền giao	*158.400*	0	0	0	0	158.400	0
2.4	Chi nhiệm vụ vận hành cơ sở vật chất để duy trì hoạt động thiết yếu đảm bảo an toàn, an ninh thông suốt của ngành Tài chính (trụ sở số 96 Nguyễn Viết Xuân)	0	54.675	176.175	0	0	121.500	0
2.5	Chi Hội nghị Hiệp hội thẩm định giá ASEAN (AVA)	0	85.500	275.500	0	0	190.000	0
2.6	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		0	8.093.000	0	0	8.093.000	0
II	**SỰ NGHIỆP KHOA HỌC, CÔNG NGH, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀCHUYỂN ĐỔI SỐ (Khoản 108)**	**0**	**943.000**	**943.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**943.000**	**943.000**	**0**	**0**	**0**	**0**

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
2.1	Kinh phí thực hiện các hoạt động của Tiểu ban Kinh tế - Xã hội năm 2026 (phục vụ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng)	0	943.000	943.000	0	0	0	0

Ghi chú:

1. Tổng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP của Văn phòng Bộ là 20.692.574 nghìn đồng, được giao tại Phụ lục VIIIa và VIIIb Quyết định này, tiết kiệm thêm ngoài số tiết kiệm được thông báo theo Công văn số 10989/BTC-KHTC ngày 24/7/2026 của Bộ Tài chính là 943.550 nghìn đồng.

2. Tổng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP của Bộ Tài chính là 45.012.060 nghìn đồng, trong đó được giao tại Phụ lục I Quyết định số 1740/QĐ-BTC ngày 30/6/2026 là 9.453.000 nghìn đồng và được giao tại Quyết định này là 35.559.060 nghìn đồng.

3. Mục I.2.1, I.2.4, I.2.5: Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 3257/QĐ-BTC ngày 05/11/2026.

4. Mục II.2.1: Giao nhiệm vụ, dự toán tương ứng của nhiệm vụ đã được phê duyệt tại Quyết định số 48/QĐ-TBT ngày 19/12/2024 (Mật)./.

Phụ lục VIIIb

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Bộ Tài chính

Mã số đơn vị QHNSNN: 1132948

Mã số KBNN giao dịch: 0003

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**400.000**	**4.793.212**	**10.778.712**	**0**	**0**	**6.385.500**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**400.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**400.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	400.000	0	0	0	0	400.000	0
	Trong đó:							0
	Đoàn ra	*400.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*400.000*	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**4.793.212**	**10.778.712**	**0**	**0**	**5.985.500**	**0**
2.1	Chi thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế Bộ Tài chính được giao là Cơ quan đại diện của Chính phủ	0	4.173.337	8.781.337	0	0	4.608.000	0
2.2	Chi đàm phán, ký kết hiệp định, tổ chức và tham gia các buổi hội nghị tọa đàm với các tổ chức tài chính quốc tế và song phương ở nước ngoài	0	548.145	1.766.245	0	0	1.218.100	0
2.3	Chi thực hiện các hoạt động khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế về lĩnh vực bảo hiểm	0	71.730	231.130	0	0	159.400	0

Ghi chú:

Mục 2.1, 2.2, 2.3: Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 3257/QĐ-BTC ngày 05/11/2026./.

Phụ lục IX

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số

Mã số đơn vị QHNSNN: 1108686

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**29.071**	**1.348.302**	**4.217.231**	**0**	**0**	**2.898.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**29.071**	**0**	**150.929**	**0**	**0**	**180.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	29.071	0	150.929	0	0	180.000	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**1.348.302**	**4.066.302**	**0**	**0**	**2.718.000**	**0**
2.1	Chi nghiệp vụ chuyên môn đặc thù	0	0	66.000	0	0	66.000	0
2.2	Kinh phí hoạt động của Trung tâm dịch vụ Tài chính tại Hòa Lạc	0	1.348.302	4.000.302	0	0	2.652.000	0

Phụ lục X

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Quản lý Công sản

Mã số đơn vị QHNSNN: 1057526

Mã số KBNN giao dịch: 0011

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**0**	**84.650**	**232.650**	**0**	**0**	**148.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**84.650**	**232.650**	**0**	**0**	**148.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	84.650	232.650	0	0	148.000	0
	Trong đó: Chi công tác phí	*0*	*84.650*	*84.650*	*0*	*0*	*0*	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Phụ lục XI

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại

Mã số đơn vị QHNSNN: 1099418

Mã số KBNN giao dịch: 0011

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**67.000**	**267.250**	**645.250**	**0**	**0**	**445.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**67.000**	**267.250**	**645.250**	**0**	**0**	**445.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	67.000	267.250	645.250	0	0	445.000	0
	Trong đó:						0	0
	Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên	*67.000*	*0*	*213.000*	*0*	*0*	*280.000*	*0*
	Chi hội nghị, hội thảo	*0*	*267.250*	*432.250*	*0*	*0*	*165.000*	*0*
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Phụ lục XII

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

Mã số đơn vị QHNSNN: 1098327

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**0**	**97.194**	**395.194**	**0**	**0**	**298.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**97.194**	**395.194**	**0**	**0**	**298.000**	**0**
	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	97.194	395.194	0	0	*298.000*	0
a	*Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên*	***0***	*0*	*70.000*	***0***	***0***	*70.000*	*0*
b	*Hội nghị, hội thảo, tập huấn về cơ chế chính sách*	***0***	*0*	*84.000*	***0***	***0***	*84.000*	*0*
c	*Chi phục hoạt động kiểm tra, quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm*	***0***	*97.194*	*241.194*	***0***	***0***	*144.000*	*0*
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Phụ lục XIII

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Quản lý Đấu thầu

Mã số đơn vị QHNSNN: 1113771

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**211.000**	**280.518**	**280.518**	**0**	**0**	**211.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**211.000**	**280.518**	**280.518**	**0**	**0**	**211.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	211.000	280.518	280.518	0	0	211.000	0
a	*Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên*	211.000	0	0	0	0	211.000	*0*
b	*Chi hội nghị, hội thảo*	*0*	*85.000*	*85.000*	*0*		*0*	*0*
c	*Chi vận hành cơ sở vật chất*	*0*	*195.518*	*195.518*	*0*	*0*	*0*	*0*
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Phụ lục XIV

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Quản lý Giá

Mã số đơn vị QHNSNN: 1110608

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**323.000**	**396.720**	**396.720**	**0**	**0**	**323.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**323.000**	**396.720**	**396.720**	**0**	**0**	**323.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	323.000	396.720	396.720	0	0	323.000	0
a	*Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên*	*323.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*323.000*	0
b	*Chi hội nghị, hội thảo*	*0*	*396.720*	*396.720*	*0*	*0*	*0*	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Phụ lục XV

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước

Mã số đơn vị QHNSNN: 1057627

Mã số KBNN giao dịch: 0011

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**0**	**82.045**	**264.045**	**0**	**0**	**182.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**82.045**	**264.045**	**0**	**0**	**182.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	82.045	264.045	0	0	182.000	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Phụ lục XVI

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể

Mã số đơn vị QHNSNN: 1135522

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						Chênh lệch tăng/giảm
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
A	**DỰ TOÁN THU**	**0**	**0**	**3.987.000**	**0**	**0**	**3.987.000**	**0**
I	Số thu phí được để lại sử dụng	0	0	3.987.000	0	0	3.987.000	0
								0
B	**DỰ TOÁN CHI**	**0**	**205.591**	**766.591**	**0**	**0**	**561.000**	**0**
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)**	**0**	**205.591**	**766.591**	**0**	**0**	**561.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**91.683**	**467.683**	**0**	**0**	**376.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	91.683	467.683	0	0	376.000	0
	Trong đó:	0			0	0	0	0
a	*Kinh phí bảo đảm hoạt động thường xuyên*	*0*	*75.365*	*409.565*	*0*	*0*	*334.200*	*0*
b	*Kiểm tra nghiệp vụ đăng ký kinh doanh và tình hình thực hiện Luật Hợp tác xã khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam*	*0*	*2.143*	*12.443*	*0*	*0*	*10.300*	*0*
c	*Hoạt động chuyên môn quản lý về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp và hộ kinh doanh*	*0*	*9.675*	*31.175*	*0*	*0*	*21.500*	*0*
d	*In sổ tay hướng dẫn thực thi nội dung chủ sở hữu hưởng lợi dành cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*	*0*	*4.500*	*14.500*	*0*	*0*	*10.000*	*0*
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**113.908**	**298.908**	**0**	**0**	**185.000**	**0**
2.1	Diễn đàn kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2026	0	67.500	217.500	0	0	150.000	0
2.2	Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể	0	15.750	50.750	0	0	35.000	0
2.3	Hỗ trợ chi thường xuyên đơn vị sự nghiệp	0	30.658	30.658	0	0	0	0

Ghi chú:

Tổng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP (nguồn phí) của Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể là 4.884.006 nghìn đồng (cao hơn số đã thông báo tại Công văn số 10989/BTC-KHTC ngày 24/7/2026 của Bộ Tài chính (4.883.543 nghìn đồng) là 463 nghìn đồng, trong đó được giao tại Quyết định số 1740/QĐ-BTC ngày 30/6/2026 là 897.006 nghìn đồng và được giao tại Quyết định này là 3.987.000 nghìn đồng.

Phụ lục XVII

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Cục Đầu tư nước ngoài

Mã số đơn vị QHNSNN: 1097208

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**0**	**39.170**	**137.170**	**0**	**0**	**98.000**	**0**
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**0**	**39.170**	**137.170**	**0**	**0**	**98.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**39.170**	**137.170**	**0**	**0**	**98.000**	**0**
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	0	39.170	137.170	0	0	98.000	0
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Phụ lục XVIII

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả

Mã số đơn vị QHNSNN: 1120462

Mã số KBNN giao dịch: 0023

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - Khoản 341)	**0**	**247.500**	**797.500**	**0**	**0**	**550.000**	**0**
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	**0**	**247.500**	**797.500**	**0**	**0**	**550.000**	**0**
2.1	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	0	247.500	797.500	0	0	550.000	0

Ghi chú:

1. Mục 2.1: Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 3257/QĐ-BTC ngày 05/11/2026./.

Phụ lục XIX

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế tài chính

Mã số đơn vị QHNSNN: 1104239

Mã số KBNN giao dịch: 0011

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG	**500**	**2.333.553**	**3.434.053**	**0**	**0**	**1.101.000**	**0**
I	**SỰ NGHIỆP KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ (Loại 100)**	**0**	**2.333.338**	**2.702.338**	**0**	**0**	**369.000**	**0**
1	**NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG (Khoản 102)**	**0**	**1.000.000**	**1.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Kinh phí nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	**0**	**1.000.000**	**1.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÁC (Khoản 108)**	**0**	**1.333.338**	**1.702.338**	**0**	**0**	**369.000**	**0**
1.1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**64.938**	**64.938**	**0**	**0**	**0**	**0**
1.2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**0**	**1.268.400**	**1.637.400**	**0**	**0**	**369.000**	**0**
a	Chi hội nghị, hội thảo khoa học	0	569.000	569.000	0	0	0	0
b	Chi đoàn ra	0	491.000	491.000	0	0	0	0
c	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	208.400	577.400	0	0	369.000	0
II	**SỰ NGHIỆP KINH TẾ (Khoản 338)**	**500**	**215**	**731.715**	**0**	**0**	**732.000**	**0**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**500**	**215**	**731.715**	**0**	**0**	**732.000**	**0**
2.1	Kinh phí thực hiện báo cáo đánh giá tình hình và kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 và đề xuất Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới giai đoạn 2026-2030.	500	0	266.500	0	0	267.000	0
2.2	Kinh phí thực hiện đề án "Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại nhằm đưa nước ta trở thành nước phát triển vào năm 2045".	0	215	465.215	0	0	465.000	0

Ghi chú:

1. Mục I.1.2.a, I.1.2.b, I.1.2.c, II.2.1, II.2.2: Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 3257/QĐ-BTC ngày 05/11/2026./.

Phụ lục XX

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Báo Tài chính - Đầu tư

Mã số đơn vị QHNSNN: 1057626

Mã số KBNN giao dịch: 0011

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG (SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - Khoản 278)	**0**	**126.730**	**126.730**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**0**	**126.730**	**126.730**	**0**	**0**	**0**	**0**
2.1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường trên báo điện tử của Báo Tài chính - Đầu tư	0	126.730	126.730	0	0	0	0

Ghi chú:

1. Mục 2.1: Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 3257/QĐ-BTC ngày 05/11/2026./.

Phụ lục XXI

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Tạp chí Kinh tế - Tài chính

Mã số đơn vị QHNSNN: 1135791

Mã số KBNN giao dịch: 0011

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG	**119.000**	**932.040**	**985.040**	**0**	**0**	**172.000**	**0**
I	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Khoản 341)**	**119.000**	**778.574**	**831.574**	**0**	**0**	**172.000**	**0**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**114.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**114.000**	**0**
1.1	Kinh phí chi hỗ trợ bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên	114.000	0	0	0	0	114.000	0
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**5.000**	**778.574**	**831.574**	**0**	**0**	**58.000**	**0**
2.1	Xuất bản Chuyên mục điện tử Đảng bộ Bộ Tài chính	0	392.168	392.168	0	0	0	0
2.2	Xuất bản Đặc san Thông tin công tác Đảng	0	313.006	355.006	0	0	42.000	0
2.3	Xuất bản Đặc san Kinh tế Tài chính Việt Nam	0	50.950	61.950	0	0	11.000	0
2.4	Tham gia Hội báo hàng năm của Liên Chi hội Nhà báo ngành Tài chính	5.000	0	0	0	0	5.000	0
2.5	Chuyên mục điện tử Ngành Tài chính tiên phong, đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	22.450	22.450	0	0	0	0
II	**SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Khoản 278)**	**0**	**153.466**	**153.466**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**0**	**153.466**	**153.466**	**0**	**0**	**0**	**0**
2.1	Xuất bản chuyên mục "Tài chính với quản lý chất lượng môi trường giai đoạn 2026-2028, hướng tới thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050" trên Tạp chí Kinh tế - Tài chính	0	153.466	153.466	0	0	0	0

Ghi chú:

1. Mục I.2.1, I.2.2, I.2.3, I.2.4, I.2.5, II.2.1: Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 3257/QĐ-BTC ngày 05/11/2026./.

Phụ lục XXII

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Nhà xuất bản Kinh tế - Tài chính

Mã số đơn vị QHNSNN: 1056510

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Điều chỉnh dự toán						
		Đơn vị được sử dụng		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=1-2+3-4+5-6
	TỔNG CỘNG	**0**	**29.630**	**200.630**	**0**	**0**	**171.000**	**0**
I	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Khoản 341)**	**0**	**28.630**	**158.630**	**0**	**0**	**130.000**	**0**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**0**	**28.630**	**158.630**	**0**	**0**	**130.000**	**0**
2.1	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	28.630	158.630	0	0	130.000	0
II	**SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN (Khoản 171)**	**0**	**1.000**	**42.000**	**0**	**0**	**41.000**	**0**
1	***Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ***	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**0**	**1.000**	**42.000**	**0**	**0**	**41.000**	**0**
2.1	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0	1.000	42.000	0	0	41.000	0

Ghi chú:

1. Mục I.2.1, II.2.1: Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 3259 /QĐ-BTC ngày 05/11/2026./.

Phụ lục XXIII

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Học viện Tài chính

Mã số đơn vị QHNSNN: 1110610

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung	Nguồn NSNN	
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
	TỔNG CỘNG (SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (Khoản 081)	**1.259.000**	**1.259.000**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**1.259.000**	**1.259.000**
2.1	Tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội	0	1.259.000
2.2	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP	1.259.000	0

Phụ lục XXIV

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Đại học Tài chính - Marketing

Mã số đơn vị QHNSNN: 1064661

Mã số KBNN giao dịch: 0120

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung	Nguồn NSNN	
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
	TỔNG CỘNG (SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (Loại 070)	**1.569.000**	**1.569.000**
I	**Giáo dục đại học (Khoản 081)**	**1.464.000**	**1.464.000**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**1.464.000**	**1.464.000**
2.1	Tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội	0	1.464.000
2.2	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP	1.464.000	0
II	**Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng (Khoản 093)**	**105.000**	**105.000**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**105.000**	**105.000**
2.1	Tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội	0	105.000
2.2	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP	105.000	0

Phụ lục XXV

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Học viện Chính sách và Phát triển

Mã số đơn vị QHNSNN: 1087916

Mã số KBNN giao dịch: 0012

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung	Nguồn NSNN	
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
	TỔNG CỘNG (SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (Khoản 093)	**1.460.000**	**1.460.000**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**1.460.000**	**1.460.000**
2.1	Tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội	0	1.460.000
2.2	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP	1.460.000	0

Phụ lục XXVI

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Tài chính

Mã số đơn vị QHNSNN: 1165625

(Kèm theo Quyết định số 3259/QĐ-BTC ngày 05/11/2026 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung	Nguồn NSNN	
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
	TỔNG CỘNG (SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (Khoản 085)	**6.336.000**	**6.336.000**
1	**Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ**	**0**	**0**
2	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ**	**6.336.000**	**6.336.000**
2.1	Tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội	0	6.336.000
2.2	Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP	6.336.000	0